TÒA ÁN QUÂN SỰ **QUÂN KHU 1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-PT
Ngày: 15-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: 4// Trương Đức Thuận.
Các Thẩm phán: - 3// Đỗ Ngọc Bình;
2// Trung tá Hoàng Thanh Phong.

Thư ký phiên toà: 4/ Phùng Văn Hoàng, Thư ký Toà án quân sự Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 tham gia phiên toà: 1// Nguyễn Anh Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 1 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2022/TLPT-HS ngày 19/5/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn L; sinh ngày 20/11/1984 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng ; có vợ là Nguyễn Thị H1 và 02 con (sinh năm 2002 và sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/12/2015 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe người khác"; bị tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 31/5/2020 thì bị tạm giam đến ngày 19/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020; từ ngày 29/12/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lục Văn Kh; sinh ngày 27/10/1968 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn L2 (đã chết) và bà Ma Thị A; có vợ là Lục Thị V và 03 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội "Tổ chức đánh bạc" đã đương nhiên được xóa án tích; bị tạm giữ từ 07h00

ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 31/5/2020 thì bị tạm giam đến ngày 24/6/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020; từ ngày 29/12/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Hoa Trung Đ; sinh ngày 13/11/1982 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ 11B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ học vấn : 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoa Văn Th (đã chết) và bà Ma Thúy S ; chưa có vợ, chưa có con; tiền án: Ngày 23/8/2012 bị xử phạt 30 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2012/HSST của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, ngày 20/12/2021 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung 5.000.000 đồng; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/8/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" đã đương nhiên được xóa án tích; bị tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 31/5/2020 thì bị tạm giam đến ngày 19/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020; từ ngày 29/12/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nông Xuân D; tên gọi khác: Nông Văn D; sinh ngày 25/3/1990 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Đ1 (đã chết) và bà Lê Thị C1; có vợ là: Nguyễn Hà D2, sinh năm 2002, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/10/2019 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 200.000 đồng về hành vi "Làm nhục người khác"; nhân thân: Ngày 24/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", đã đương nhiên được xóa án tích; ngày 14/3/2018 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", vi phạm đã được xóa coi như chưa vi phạm; bị tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 03/6/2020 thì bị tạm giam đến ngày 24/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Thị Ch; sinh ngày 13/4/1968 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D3 (đã chết) và bà Trần Thị L4 (đã chết); có chồng là Lê Đức L5 (đã ly hôn) và 03 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/3/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội "Môi giới mại dâm", đã đương nhiên được xóa án tích; ngày 11/4/2008 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc, vi phạm đã được xóa coi như chưa vi phạm; bị tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 03/6/2020 thì bị tạm giam đến ngày

12/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

6. Hoàng Văn T; sinh ngày 10/8/1977 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L6, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Hoàng Thị Ch , sinh năm 1948; có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1978 và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/4/2014 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 200.000 đồng về hành vi đánh bạc, vi phạm đã được xóa coi như chưa vi phạm; bị bắt tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 31/5/2020 thì bị tạm giam đến ngày 26/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020; từ ngày 29/12/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị cáo bị kháng nghị:

Hà Xuân H; sinh ngày 25/10/1981 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Thượng úy quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên, Ban Chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C2, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị C 3, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị L8, sinh năm 1984 và 02 con (sinh năm 2009 và sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; từ ngày 09/6/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ban Chỉ huy quân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; có mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Ngô Phúc L9; sinh ngày 06/6/1989 tại huyện C1, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện C1, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Triều C11, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Hà Thị H 4, sinh năm 1954 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1996, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 31/5/2020 thì tạm giam đến ngày 30/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020; từ ngày 29/12/2020 đến nay bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đinh Đức N; sinh ngày 22/5/1979 tại huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ 17, thị trấn **B**, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ học vấn : 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Đức Q, sinh năm 1949 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1980 và 03 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ từ 07h00 ngày 25/5/2020 đến 07h00 ngày 03/6/2020 thì bị tạm giam đến ngày 26/6/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh đến ngày 28/12/2020;

từ ngày 29/12/2020 đến ngày 20/9/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo đang chấp hành án từ ngày 21/9/2021 đến nay tại Trại tạm giam Quân khu 1; có mặt.

Ngoài ra còn 16 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo và không bị kháng nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Thị T4, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 17, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nghề nghiệp: Lao động tự do (là vợ của bị cáo Đinh Đức N); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24/5/2020, Nguyễn Văn L và Nông Mạnh Th thống nhất buổi tối 24/5/2020 tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa trong Thao trường huấn luyện của Ban Chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Thao trường) tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với mục đích thu tiền hồ để chi tiêu cá nhân. L gọi điện cho Hà xuân H là người được Ban Chỉ huy quân sự huyện C giao phụ trách trông coi thao trường, thông báo nội dung "Tối nay sinh nhật Th, H cho mấy anh em xuống chỗ H chơi tí", nghe L nói vậy thì H biết là L mượn địa điểm để đánh bạc nên Hiệu đồng ý cho các đối tượng vào đánh bạc. Sau đó L gọi điện thông báo cho Th, L chuẩn bị công cụ đánh bạc mang đến Thao trường. Nông Mạnh Th thuê Lục Văn Kh là người xóc đĩa với giá 150.000 đồng/01 giờ, thuê Đinh Đức N chở 02 chuyến đưa người đánh bạc đến địa điểm đánh bạc, nhờ Nguyễn Tú A1 là người thu tiền hồ và trang tiền cho những người chơi.

Đến khoảng 21h00 cùng ngày, các đối tượng tập trung tại hội trường trong Thao trường, Kh lấy dao, thanh tre khô và bút dạ màu đen trong túi vải màu đỏ để làm quân vị, sau đó các đối tượng bắt đầu đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa từ 23h00. Lục Văn Kh là người cầm cái, bỏ bốn quân vị lên đĩa, úp bát lại, xóc đều rồi đặt xuống thảm; Nguyễn Tú A1 là người thanh toán tiền giữa người thắng và người thua, đồng thời thu tiền hồ của một số người tham gia đánh bạc từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến 00h10 phút ngày 25/5/2020, Tổ công tác Phòng Hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn vào bắt quả tang và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn L, Nông Mạnh Th, Nguyễn Tú A1, Lục Văn Kh, Đinh Đức N, Nguyễn Thị Ch, Nông Xuân D, Hoa Trung Đ, Nguyễn Văn T và các đối tượng khác đang có hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.000.000 đồng gồm 6.100.000 đồng thu trên chiếu bạc, 3.900.000 đồng là tiền hồ; thu giữ trên người các bị cáo số tiền 48.809.000 đồng; ngoài ra còn thu giữ các công cụ phương tiện dùng vào việc đánh bạc như xe ô tô, xe mô tô các bị cáo đi đánh bạc và thu giữ chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 2XA-029.19 của bị cáo Đinh Đức N dùng để chở thuê các đối tượng đi đánh bạc.

Quá trình điều tra đã xác định, tổng số tiền các bị cáo đánh bạc vào rạng sáng ngày 25/5/2020 là 47.569.000 đồng. Trong đó Nguyễn Văn L sử dụng 4.950.000 đồng; Hoa Trung Đ sử dụng 2.022.000 đồng; Nông Xuân D sử dụng

260.000 đồng; Nguyễn Thị Ch sử dụng 150.000 đồng; Hoàng Văn T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 đã quyết định:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, Lục Văn Kh, Hà Xuân H phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoa Trung Đ, Nông Xuân D (tên gọi khác: Nông Văn D), Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm a, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 55 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 năm 10 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 10 tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung hai tội 02 năm 08 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 19/6/2020). Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Lục Văn Kh 01 năm 03 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 24/6/2020).

- Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Hà Xuân H 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2022) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự; giao bị cáo cho Ban Chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoa Trung Đ 01 năm 01 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 19/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nông Xuân D 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 24/6/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ch 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 12/6/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 tháng

tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 26/6/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Ngô Phúc L9 10 tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Bị cáo Ngô Phúc L9 được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 30/6/2020), 01 ngày tạm giữ, tạm giam được tính bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ngô Phúc L9. Giao bị cáo Ngô Phúc L9 cho UBND xã T, huyện C1, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bản án còn tuyên phạt tù giam từ 06 tháng đến 01 năm 07 tháng đối với 07 bị cáo; phạt cải tạo không giam giữ từ 10 tháng đến 01 năm 03 tháng đối với 08 bị cáo; phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với 03 bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe ô tô BKS: 2XA-029.19; ½ giá trị xe trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị T4.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý các vật chứng khác của vụ án, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, trong các ngày 18, 19, 20, 25 tháng 4 năm 2022 các bị cáo Nguyễn Văn L, Lục Văn Kh, Hoa Trung Đ, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/4/2022 Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSQSKV12 đối với một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1; đề nghị Tòa án quân sự Quân khu 1 xét xử phúc thẩm tăng mức hình phạt và không cho bị cáo Hà Xuân H hưởng án treo.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng văn T có Đơn xin giảm án bổ sung và nộp tài liệu bệnh án phẫu thuật thoát vị thành bụng; bị cáo Hà Xuân H bổ sung Giấy xác nhận hồ sơ bệnh án nằm viện; bị cáo Ngô Phúc L9 có đơn trình bày và cung cấp Giấy chứng nhận gia đình bị cáo là hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập cá nhân hàng tháng vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, chưa có việc làm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Hoa Trung Đ rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo hoàn toàn tự nguyện do các bị cáo nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lục Văn Kh, Hoa Trung Đ, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã kết luận, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về giải quyết kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Lục Văn Kh, Nguyễn Thị Ch, Nông Xuân D, Hoàng Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 thực hiện trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L và Hoa Trung Đ tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo không bị mua chuộc hay bị cưỡng ép, các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo L và Đ là đúng quy định của pháp luật và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của L và Đ.

Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 xét xử các bị cáo Kh, Ch, D, T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân của từng bị cáo; vị trí, vai trò của các bị cáo trong thực hiện tội phạm để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Kh, Ch, D, T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về giải quyết kháng nghị:

Viện kiểm sát cho rằng: Trong vụ án này, bị cáo Hà Xuân H không cho sử dụng địa điểm thì sẽ không có vụ án đánh bạc xảy ra. Bị cáo là quân nhân có nhận thức, hiểu biết, bị cáo biết rõ việc cho các đối tượng vào khu vực doanh trại Quân đội đánh bạc là vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật của Quân đội, vi phạm chế độ đóng quân canh phòng của Quân đội nhưng vẫn cố tình vi phạm. Hành vi của bị cáo đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; gây mất uy tín và làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Quân đội. Bị cáo là người thực hành tích cực có vị trí, vai trò thứ hai sau bị cáo L cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo. Vì vậy, giữ nguyên quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSQSKV12 ngày 27/4/2022; đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hà Xuân H và không cho hưởng án treo.

Đối với đề nghị của bị cáo Ngô Phúc L9 xin miễn khấu trừ thu nhập 10% hàng tháng của cá nhân. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm do bị cáo Ngô Phúc L9 không cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng tài liệu về việc gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, nên Tòa sơ thẩm đã không miễn khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo. Bị cáo Ngô Phúc L9 không có kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã có đơn trình bày và cung cấp giấy chứng nhận gia đình bị cáo là hộ nghèo, bản thân không có việc làm ổn định, xin được miễn khấu trừ thu nhập cá nhân hàng tháng.

Tranh luận tại phiên toà, các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T không đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào nhưng vẫn xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Hà Xuân H đề nghị giữ nguyên hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo, bởi vì: Sau khi đồng ý cho bị cáo L và các bị cáo khác mượn địa điểm để đánh bạc, do bị cáo đã uống rượu nên bị cáo đi ngủ không biết các bị cáo đánh bạc như thế nào, bị cáo không được bàn bạc gì với ai và bị cáo không thực hiện bất cứ hành vi nào khác nhằm giúp cho các bị cáo khác đánh bạc. Cổng của Thao trường thường xuyên không khóa nên bị cáo L và các bị cáo khác tự đi vào. Tối ngày 24/5/2020 H ngủ dậy thấy mọi người vẫn đang đánh bạc nên có bảo với L là "thôi không đánh bạc nữa", L nói "chơi thêm lúc nữa thì nghỉ"; tới 00h10 phút ngày 25/5/2020 thì các bị cáo bị Công an bắt quả tang. Bị cáo đã có 22 năm công tác, sức khỏe yếu do bị tai nạn chấn thương sọ não, bố mẹ già thường xuyên ốm đau, 2 con còn nhỏ, vợ không có công việc làm ổn định; đề nghị Tòa giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Bị cáo Ngô Phúc L9 nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Chị Nguyễn Thị T4 phát biểu quan điểm do không có khả năng về tài chính nên không có điều kiện nộp tiền để xin nhận lại chiếc xe ô tô mà bị cáo Nam sử dụng làm phương tiện phạm tội; tuy nhiên, đề nghị Tòa xem xét khi bán chiếc xe ô tô này thì trả lại $^1/_2$ giá trị của chiếc xe cho mình; trường hợp khi định giá chiếc xe để bán nếu giá cả phù hợp với điều kiện tài chính của mình thì đề nghị Cơ quan thi hành án ưu tiên cho chị mua lại chiếc xe ô tô đó để sử dụng.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Hà Xuân H đề nghị giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của Nguyễn Văn L, Hoa Trung Đ, Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T và quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 được thực hiện đúng thủ tục tố tụng và trong thời hạn quy định của pháp luật là hợp lệ, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều khẳng định không thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn L là người chủ mưu, khởi xướng việc tổ chức đánh bạc, L đã bàn bạc, phân chia nhiệm vụ với Nông Mạnh Th, theo đó: Lợi chuẩn bị địa điểm, công cụ đánh bạc; Th tìm người đánh bạc, thuê Lục Văn Kh xóc cái, thuê Đinh Đức N chở các đối tượng đến địa điểm đánh bạc, Nguyễn Tú A1 thu tiền hồ và trang tiền cho những người đánh bạc.

Hà Xuân H được đơn vị giao nhiệm vụ trông coi, bảo vệ Thao trường, khi Nguyễn Văn L hỏi mượn Thao trường nhằm mục đích để tổ chức đánh bạc H hiểu mục đích của L và đã đồng ý. Trong khoảng thời gian từ 23h00 ngày 24/5/2020 đến 00h10 phút ngày 25/5/2020, tại Thao trường huấn luyện của Ban Chỉ huy quân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn L và Nông Mạnh Th đã tổ chức và đánh bạc cùng Đinh Đức N, Hoa Trung Đ, Ma Văn Th1t, Bùi Văn K, Hoàng Minh H0, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T, Nông Văn Kh3, Vũ Mạnh Th2, Cao Thế A2, Kiều Hoàng Ph, Mã Văn Th4, Triệu Thị Minh H3, Triệu Văn Nh, Nông Văn S, Ngô Phúc L9, Nông Thị H8, Nguyễn Ngọc Ph, Chu Thị S1 dưới hình thức "xóc đĩa" được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 47.569.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lục Văn Kh, Hà Xuân H đã cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc". Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoa Trung Đ, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T đã cấu thành tội "Đánh bạc". Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án sơ thẩm tuyên Nguyễn Văn L phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và tội "Đánh bạc", Lục Văn Kh phạm tội "Tổ chức đánh bạc", Hà Xuân H phạm tội "Tổ chức đánh bạc", Hoa Trung Đ, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T phạm tội "Đánh bạc" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoa Trung Đ nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là đúng pháp luật nên các bị cáo đã tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Nguyễn Văn L và Hoa Trung Đ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lục Văn Kh:

Lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo ốm yếu không có khả năng lao động, bản thân bị cáo bị bệnh cao huyết áp. Hội đồng xét xử thấy tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo; về lý do: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo ốm yếu không có khả năng lao động, bản thân bị cáo mắc bệnh cao huyết áp. Hội đồng xét xử thấy đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ch:

Lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Là lao động chính trong nhà, con trai bị cáo còn đang đi học chưa có nghề nghiệp, bản thân bị cáo sức khỏe không tốt, hay đau yếu thường xuyên, hiện đang mắc một số bệnh như bệnh tiểu đường, xoang mũi. Hội đồng xét xử thấy đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS. Về lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng điểm s

khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nông Xuân D:

Lý do bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình; bố đã chết, mẹ già không có khả năng lao động; bản thân bị hen phế quản mãn tính từ bé; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình; bố đã chết, mẹ già không có khả năng lao động; bản thân bị hen phế quản mãn tính từ bé không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T:

Lý do bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bố đã chết, mẹ già không có khả năng lao động; phải đi làm thuê nuôi con và cháu ăn học; bản thân bị bệnh thoát vị bẹn mới được phẫu thuật nên ảnh hưởng đến khả năng lao động. Hội đồng xét xử thấy đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS. Về lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T là có căn cứ; đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12:

Trong vụ án này, bị cáo Hà Xuân H thực hiện hành vi cho các đối tượng mượn địa điểm vào đánh bạc nên là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Văn L, Nông Mạnh Th, Nguyễn Tú A1, Lục Văn Kh, Đinh Đức N về tội "Tổ chức đánh bạc" với vai trò là người thực hành, bởi vì: Mặc dù mỗi bị cáo thực hiện hành vi khác nhau nhưng tổng hợp hành vi của những bị cáo này có đủ dấu hiệu của cấu thành tội phạm “Tổ chức đánh bạc”. Tuy nhiên, hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo H không tích cực như những đồng phạm khác, bởi lẽ: Khi L gọi điện cho H hỏi mượn địa điểm để tổ chức đánh bạc, H đã đồng ý cho mượn, ngoài ra H không thực hiện bất cứ hành vi nào khác để thể hiện sự tích cực thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc như các bị cáo khác. Khi mọi người vào Thao trường và lên hội trường đánh bạc thì H ở trong phòng của mình ngủ không lên hội trường; sau khi ngủ dậy H thấy các đối tượng vẫn đang đánh bạc nên có yêu cầu L không đánh bạc nữa. H cho mượn hội trường là do nể nang bạn bè, không có mục đích thu lợi cho bản thân. Do vậy hành vi của bị cáo H cho mượn địa điểm để L cùng các bị cáo khác tổ chức đánh bạc và đánh bạc là hành vi của người thực hành, đồng phạm về hành vi tổ chức đánh bạc. Xét về tổng thể vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc thì Nguyễn Văn L là người

chủ mưu, khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực nhất; Nông Mạnh Th là người thực hành tích cực thứ hai sau L; Lục Văn Kh, Nguyễn Tú A1, Đinh Đức N là những người thực hành tích cực trong suốt quá trình các hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc xảy ra; Hà Xuân H có vai trò là người thực hành không phải là vai trò giúp sức thứ yếu như bản án sơ thẩm đã nhận định. Do vậy, việc xác định H có vai trò là người thực hành tích cực đứng vị trí thư hai ngay sau L của đại diện Viện kiểm sát là không thuyết phục. Quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 về xác định vai trò của bị cáo Hà Xuân H không phải là giúp sức thứ yếu mà là người thực hành, đồng thời đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Hà xuân H là có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng: Nếu H không cho sử dụng địa điểm thì sẽ không có vụ án đánh bạc xảy ra; H là quân nhân nhưng đã cố tình vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật Quân đội làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, gây mất uy tín và giảm lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Quân đội nên cần phải bị xử lý nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Về quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo H có hành vi vi phạm pháp luật bị đưa ra xét xử và bị kết án về tội "Tổ chức đánh bạc", bản án sơ thẩm tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Vì, bị cáo H không phải là người thực hành tích cực như các đồng phạm khác khi thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc; bị cáo phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt; quá trình công tác có thành tích xuất sắc; có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn các bị cáo khác (02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 BLHS); có nơi cư trú rõ ràng; mức hình phạt tù dưới 03 năm; các đồng phạm khác có nhân thân xấu; bị cáo Đinh Đức N có nhân thân không xấu nhưng phạm 02 tội (Tổ chức đánh bạc và đánh bạc). Bị cáo H có đủ các điều kiện để được hưởng án treo và bản án sơ thẩm áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm các quy định của pháp luật hình sự hiện hành, không vi phạm các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là tạo cơ hội cho bị cáo được tự giáo dục, cải tạo để trở thành quân nhân, công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội là thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta đối với người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Do đó, quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 và kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 đánh giá Tòa án cấp sơ thẩm cho H được hưởng án treo là vi phạm nghiêm trọng khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và đề nghị không cho H được hưởng án treo là không có căn cứ thuyết phục để chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, Quân khu 1 về tăng mức hình phạt, không

chấp nhận kháng nghị thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo Hà Xuân H.

[5] Xét miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ngô Phúc L9:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Ngô Phúc L9 không cung cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng Giấy chứng nhận hộ nghèo của gia đình bị cáo vì tại thời điểm xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo chưa nhận được Giấy chứng nhận hộ nghèo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù bị cáo không có kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo nộp giấy chứng nhận gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và đơn trình bày xin được miễn khấu trừ thu nhập của cá nhân hàng tháng mà bản án sơ thẩm đã tuyên; đồng thời, bị cáo xác định không cần trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đây là tình tiết mới có lợi cho bị cáo L9; bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định; tình tiết "Gia đình bị cáo là hộ nghèo năm 2022", tình tiết này đủ điều kiện để xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần thiết xem xét miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam. Đồng thời, bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo L9 10 tháng cải tạo không giam giữ là đã thể hiện sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đáng kể đối với bị cáo, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không sửa về mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Phúc L9. Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo là có căn cứ.

[6] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn L và Hoa Trung Đ rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm và được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 23 Chương II Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bị cáo L và bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII và Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

[7] Về xử lý vật chứng:

Hội đồng xét xử thấy rằng, chiếc xe ô tô BKS: 2XA-029.19 là phương tiện bị cáo Đinh Đức N dùng vào việc phạm tội; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS thì cần phải bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chiếc xe ô tô này là tài sản chung của vợ chồng Đinh Đức N và Nguyễn Thị T4, mỗi người sở hữu một nửa giá trị của

chiếc xe này. Chị T4 không biết bị cáo N dùng xe ô tô thực hiện hành vi phạm tội; do vậy, chỉ tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước $^1/_2$ giá trị chiếc xe ô tô là phần tài sản do Đinh Đức N sở hữu. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T4 phát biểu quan điểm chị không có nhu cầu sử dụng chiếc xe ô tô BKS: 2XA-029.19 vì không có điều kiện về tài chính; đề nghị cơ quan pháp luật bán để trả lại cho chị ½ giá trị chiếc xe ô tô này; khi chiếc xe ô tô BKS: 28A-029.19 được bán để thi hành án, nếu giá bán hợp lý mà chị có khả năng mua lại thì ưu tiên cho chị mua để sử dụng. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T4 có nguyện vọng và đề nghị được ưu tiên mua lại thì chị T4 phải nộp cho Phòng Thi hành án Quân khu 1 số tiền bằng $^1/_2$ giá trị chiếc xe khi bán được tương ứng với phần tài sản do bị cáo Đinh Đức N sở hữu bị tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị và Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 260; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về hình sự

1.1. Áp dụng Điều 342; khoản 1 Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Hoa Trung Đ.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 đã tuyên đối với các bị cáo Lục Văn Kh, Nông Xuân D, Nguyễn Thị Ch, Hoàng Văn T:

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lục Văn K** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 24/6/2020);

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Xuân D** (tên gọi khác Nông Văn D) 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 24/6/2020);

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ch** 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 12/6/2020);

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 26/6/2020).

1.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, Quân khu 1 về tăng mức hình phạt đối với bị cáo Hà Xuân H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1, nay tuyên:

Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hà Xuân H** 01 (một) năm 01 (một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của án treo là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2022); giao bị cáo Hà Xuân H cho Ban Chỉ huy quân sự huyện C, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc hoặc nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Áp dụng khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 13/4/2022 của Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 về phần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ngô Phúc L9, nay tuyên:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Phúc L9** 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; bị cáo được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/5/2020 đến ngày 30/6/2020), 01 (một) ngày tạm giữ, tạm giam được tính bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ngô Phúc L9. Giao bị cáo Ngô Phúc L9 cho UBND xã T, huyện C1, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về Xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và bán chiếc xe ô tô BKS: 2XA-029.19 do Đinh Đức N sử dụng làm phương tiện phạm tội theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 21/9/2021 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $^1/_2$ giá trị chiếc xe, $^1/_2$ giá trị chiếc xe được trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị T4.

3. Án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Lục Văn Kh, Nguyễn Thị Ch, Nông Xuân D, Hoàng Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không thuộc nội dung xem xét của Hội đồng xét xử tại phiên tòa phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT/TAQSTW;
- VKSQS Trung ương;
- VKSQS QK1;
- TAQSKV/QK1;
- VKSQS KV12;
- CQTHAHS QK1 (06b);
- Phòng THA/QK1;
- Trại tạm giam/QK1;
- BCHQS huyện Chợ Đồn/Bắc Kạn;
- CQTHAHS Công an H.Chợ Mới/Bắc Kạn;
- UBND xã Thanh Thịnh/Chợ Mới/Bắc Kạn;
- Các bị cáo: Lợi, Khiêm, Điệp, Diện, Chiến, Tư, Hiệu, Lưu, Nam (9b);
- NCQLNVLQ: Nguyễn Thị Tâm;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS, Th30b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đại tá Trương Đức Thuận